

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HSST
Ngày 24 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Dương
Bà Lô Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vương Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị T**; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 30/7/1987 tại xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Bản NL1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công L và bà Lo Thị S; có chồng là Mã Kiến B và 04 con; con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2020 đến ngày 29/3/2020 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (vì đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi); hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phạm Công L, sinh năm 1961; Trú tại: bản NL1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người làm chứng: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; Trú tại: bản XT, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Cáo trạng số 56/CT-VKS-KS ngày 20/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn thì bị cáo Phạm Thị T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã thừa nhận có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với các tình tiết đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, cụ thể là: Vào khoảng 12 giờ 15 phút, ngày 26/3/2020, Phạm Thị T điều khiển xe máy đi từ nhà ở bản NL1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An đến bản XN, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến nơi, Phạm Thị T gặp một người đàn ông dân tộc Thái không quen, người này tự giới thiệu tên là May, sau khi hai người nói chuyện với nhau thì người đàn ông tên May hỏi Phạm Thị T có mua ma túy không thì Phạm Thị T đồng ý. Hai bên trao đổi giá cả xong thì người đàn ông đó đưa cho Phạm Thị T 01 (một) gói ma túy tổng hợp được gói trong bao potylen màu xanh, Phạm Thị T đưa cho người đàn ông tên May số tiền là 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Mua ma túy xong, Phạm Thị T cất giấu ma túy vào trong túi áo khoác bên phải đang mặc của mình rồi điều khiển xe máy đi về nhà.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi Phạm Thị T đang đi về trên đường thuộc khu vực bản XN, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ 01 (một) bao potylen màu xanh bên trong có chứa nhiều viên nén màu hồng (nghỉ là ma túy tổng hợp) và 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu trắng-xanh, biển kiểm soát 37K1-057.30.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại lập ngày 26/3/2020 đã xác định: Số viên nén màu hồng (nghỉ là ma túy tổng hợp) thu giữ của Phạm Thị T có khối lượng 19,6g (Mười chín phẩy sáu gam). Hội đồng đã trích 01g (một gam) viên nén màu hồng để gửi đi giám định.

Tại kết luận giám định số 449/KL- PC09(MT) ngày 28/03/2020 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An đã kết luận: “Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Phạm Thị T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine).”

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị T mức án từ 06 (Sáu) đến 07 (Bảy) năm tù. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Phạm Công L trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều cho rằng ông là chủ sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu trắng-xanh, biển kiểm soát 37K1-057.30. Việc bị cáo sử dụng xe của ông để đi mua ma túy ông không biết, nay ông đã được Cơ quan điều tra trả lại xe nên ông không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng đã thừa nhận bản thân có hành vi tàng trữ trái phép chất

ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/3/2020, tại khu vực bản XN, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An, Phạm Thị T đang có hành vi tàng trữ 19,6g (Mười chín phẩy sáu gam) ma túy methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Vì vậy hành vi đó của bị cáo Phạm Thị T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo Phạm Thị T với tội danh và Điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại chất gây nghiện. Khi phạm tội bị cáo cũng nhận thức được ma túy bị Nhà nước cấm, vì ma túy gây tác hại xấu đến đời sống kinh tế xã hội cũng như sức khỏe của con người và cũng làm mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Vì vậy hành vi đó phải được xử lý nghiêm minh, cần tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới đủ điều kiện để vừa tiếp tục cải tạo, giáo dục riêng bị cáo vừa răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xét thấy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy rằng, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, tài sản không có nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5] Trong vụ án này còn có người đàn ông dân tộc Thái tên May đã bán ma túy cho bị cáo quá trình điều tra chưa xác minh được tên tuổi và địa chỉ nên Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ được xử lý.

Đối với ông Phạm Công L là chủ sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu trắng-xanh, biển kiểm soát 37K1-057.30 mà bị cáo đã dùng để đi mua ma túy, tuy nhiên ông không biết bị cáo sử dụng tài sản của mình vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Công L.

[6] Về vật chứng vụ án: Số ma túy là vật chứng sau khi trích gửi đi giám định số còn lại 18,6g (Mười tám phẩy sáu gam) ma túy methamphetamine và vỏ giấy niêm phong ban đầu, đây là vật chứng Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên phải tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu trắng-xanh, BKS: 37K1-057.30 quá trình điều tra đã xác định chủ sở hữu là ông Phạm Công L, việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội ông Phạm Công L không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[7] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuyên xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 29/03/2020.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01(Một) phong bì thư đã được niêm phong có đầy đủ chữ ký của Hội đồng tham gia niêm phong và chữ ký của đối tượng Phạm Thị T phía trong có chứa 18,6g (Mười tám phẩy sáu gam) ma túy (methamphetamine) và vỏ giấy niêm phong ban đầu.

Vật chứng đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 08 giờ 20 phút ngày 21/4/2020 giữa Công an huyện Kỳ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/6/2020); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/6/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Công an huyện Kỳ Sơn (Cơ quan điều tra, Cơ quan THA hình sự);
- Trại tạm giam, Công an tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THA dân sự huyện Kỳ Sơn;
- Bị cáo, Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc